

Bản án số: 422/2021/HS-PT

Ngày: 22 - 11- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Nhựt Bình

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Văn Minh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đảm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 434/2020/TLPT- HS ngày 01 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Lê Vũ N. Do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ và bà Phạm Thùy Ng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 269/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Bị cáo kháng cáo:***

**Lê Vũ N;** Giới tính: N; Sinh năm: 1973 tại Thành phố Hà Nội; Thường trú: C9, đường 11, Khu dân cư P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Công chức Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn Khu vực 2; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Lê Minh T (chết) và bà Vũ Thị Tuyết L; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ là bà Phạm Thùy Ng và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam ngày: 12/9/2017 (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Lê Vũ N:*

- Luật sư Đoàn Thanh Tâm – Chi nhánh Công ty Luật TNHH Sài Gòn Hoàng Gia, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Luật sư Nguyễn Ngọc Duy – Văn phòng Luật sư Duy Hòa, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà Phạm Thùy Ng; Sinh năm: 1986

Thường trú: C09, đường 11, Khu dân cư P, phường P, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thùy Ng:* Ông Nguyễn Nhật Tiến N1, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: 169/3 Trần Văn Đ, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thùy Ng:* Luật sư Đoàn Thanh Tâm – Chi nhánh Công ty Luật TNHH Sài Gòn Hoàng Gia, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2/. Ông Lê Tấn Đ; Sinh năm: 1978

Thường trú: Y.50 khu phố 3, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tấn Đ:* Ông Bùi Quốc H, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: 30/2A Ngô Thời N, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Tấn Đ:* Luật sư Phan Minh Sâm – Công ty Luật TNHH MTV Nguyên Khôi, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Vy H1, Nguyễn Đình B kháng cáo nhưng đã rút kháng cáo, các bị cáo Lưu Minh T, Lê Trọng N2, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thanh C, Trần Thanh T1, Nguyễn Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đông Thanh H không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập đến phiên tòa).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ ngày 06/5/2015 đến ngày 01/3/2016, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Sài Gòn Khu vực 1 - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là

Hải quan CSGKV1) đã tiếp nhận, kiểm tra Bước 2 trên Hệ thống khai báo hải quan điện tử (Hệ thống VNACCS) đối với 214 tờ khai hải quan hàng hóa quá cảnh của 53 doanh nghiệp là: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ NT (08 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Tiếp vận TC (06 tờ khai), Công ty TNHH Dịch vụ DB (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư SK (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư phát triển ĐP (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VNK (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ YBT (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xuất nhập khẩu HH (06 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư phát triển PT 03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ MN (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quốc tế MP (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư GQ (08 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư NM (01 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ AF (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu QN (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu HH (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu HY (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại PC (11 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xuất nhập khẩu PH (09 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ AS (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ ĐH (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xuất nhập khẩu NT (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư VH (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu HL (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu Quốc tế W (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư phát triển TN (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CDU (08 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ HB (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại GB (01 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư KH (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khánh QV (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu TD (07 tờ khai), Công ty TNHH Đầu tư phát triển VP (08 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ VT (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư BH (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư PH (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư TL (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Xuất nhập khẩu ATC (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Phát triển ĐT (07 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ DA (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại A.WON (01 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Đầu tư VH (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ F.A.F (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư PH (05 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quốc tế PV (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại KCL (01 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại KN (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại TCLM (01 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế DD (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế HD (02 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế HT (01 tờ khai), Công ty TNHH

Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế VS (04 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu QM (03 tờ khai), Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đông Thanh H (03 tờ khai).

Mỗi tờ khai hải quan nêu trên gồm 01 container (cont) hàng hóa. Các cont hàng có nguồn gốc từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Singapore...được nhập khẩu về Cảng Cát Lái sau đó vận chuyển bằng đường bộ sang Campuchia qua các cửa khẩu Mộc Bài, Hoa Lư và Lệ Thanh. Toàn bộ 214 tờ khai hàng quá cảnh đã được thông quan, trong đó 213 cont hàng đã được vận chuyển ra khỏi cảng, còn 01 cont số TCNU7721283 thuộc Tờ khai số 500030850620 ngày 22/01/2016 của Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Đông Thanh H bị phát hiện và tạm giữ. Cụ thể: Tờ khai số 500030850620 khai báo tên hàng hóa là “Dây chuyền máy cuốn màng nhựa”, trị giá 27.260 USD (tương đương 609.533.600 đồng). Ngày 31/7/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an phối hợp với Tổng cục Hải quan tiến hành kiểm tra cont số TCNU7721283, xác định hàng hóa gồm: Máy điều hòa không khí, tủ lạnh, máy giặt, máy rửa bát, máy sấy quần áo, máy xử lý không khí, máy hút ẩm, loa, xe đạp, bồn cầu, quạt điện do nước ngoài sản xuất; trong đó có 96 chiếc quạt điện là hàng mới 100%, còn lại là hàng đã qua sử dụng (thuộc loại hàng hóa cấm nhập khẩu, quy định tại điểm 7 - Mục II - Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ). Cơ quan điều tra đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành định giá, tại Kết luận số 2548 ngày 26/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Thành phố Hồ Chí Minh kết luận lô hàng trị giá 578.320.000 đồng.

Về thủ tục hải quan đối với hàng hóa quá cảnh được thực hiện như sau: Từ tháng 6/2014, Tổng cục Hải quan triển khai áp dụng thí điểm Hệ thống khai báo hải quan điện tử (Hệ thống VNACCS) tại một số đơn vị trong đó có Hải quan CSGKV1. Quy trình, thủ tục hải quan (*ban hành kèm theo Quyết định số 988/QĐ-TCHQ ngày 28/3/2014 và Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan - sau đây gọi tắt là Quy trình 988 và Quy trình 1966*), quy định: Đối với hàng hóa quá cảnh, thực hiện quy trình gồm 04 bước, trong đó Bước 1 do Hệ thống tự động thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, cấp số tờ khai hải quan và phân luồng tờ khai; Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến thực hiện trình tự 03 bước, gồm Bước 2 (kiểm tra hồ sơ vận chuyển, nếu phù hợp thì phê duyệt thông quan), Bước 3 (xác nhận Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển), Bước 4 (giám sát hàng hóa, theo dõi tình trạng vận chuyển hàng hóa tới đích).

Thực hiện Quyết định số 1393/QĐ-HQHCM, ngày 31/10/2011 của Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh và hướng dẫn kèm theo Công văn số 6330/TCHQ-GSQL, ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan, Chi cục Hải quan CSGKV1 giao cho Đội Thủ tục hàng hóa nhập khẩu làm thủ tục đối với hàng hóa quá cảnh từ Bước 2 đến Bước 4 của Quy trình 988 và Quy trình 1966 như sau: Công chức Bước 2 tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ vận chuyển theo hướng dẫn

của Bộ Tài chính, nếu kết quả kiểm tra hồ sơ phù hợp, công chức thực hiện phê duyệt tờ khai vận chuyển trên Hệ thống; in 03 bộ tờ khai (có tên gọi là Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển) và ký tên, đóng dấu công chức tại trang 1 của mỗi bộ tờ khai rồi giao cho người khai chuyển đến Bước 3. Công chức Bước 3 tiếp nhận hồ sơ (không có ký nhận), kiểm tra đối chiếu thông tin trên Hệ thống với Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển và thực tế tình trạng bên ngoài của hàng hóa (số hiệu cont, số seal tàu), nếu phù hợp thì tiến hành niêm phong Seal hải quan đối với cont hàng hóa và ký tên, đóng dấu xác nhận tại trang 1 và trang 5 của Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển. Công chức Bước 3 lưu 01 Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển và hồ sơ, tài liệu của tờ khai; giao người khai hải quan 01 Thông báo để xuất trình cho các đơn vị chức năng khi đưa hàng hóa qua khu vực giám sát; niêm phong 01 Thông báo giao cho người khai hải quan chuyển đến Chi cục Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến. Công chức Bước 3 thực hiện đăng ký thông tin khởi hành vận chuyển (trình tự Bước 4) bằng nghiệp vụ BOA trên Hệ thống; ghi thông tin tờ khai vào file Excel trên máy tính để thực hiện việc kiểm tra, theo dõi việc xác nhận trên Hệ thống về thông tin hàng hóa đến đích của Hải quan nơi hàng hóa vận chuyển đến (nghiệp vụ BIA). Đội Giám sát thuộc Chi cục Hải quan CSGKV1 không thực hiện trình tự Bước 4 mà có nhiệm vụ kiểm tra việc phê duyệt trên Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển, đối chiếu thông tin của Thông báo với Phiếu xuất nhập bãi của doanh nghiệp kinh doanh cảng, nếu phù hợp thì nhập vào phần mềm TOP-O các thông tin về tên tàu, ngày nhập cảnh, số hiệu cont, số tờ khai hoặc số biên bản bàn giao, tên hàng, loại hình, nơi mở tờ khai; sau đó nhập lệnh xác định đã kiểm tra và quyết định cho cont hàng ra khỏi cảng.

Theo trình tự thủ tục các bước tiến hành trên đây, sau khi nhận được Thông báo phê duyệt khai báo vận chuyển, người khai hải quan đã có đủ điều kiện thanh lý tờ khai và đưa hàng hóa ra khỏi cảng mà không phụ thuộc việc công chức Bước 3 đã thực hiện lệnh BOA hay chưa. Kết quả điều tra xác định: Tại Hải quan CSGKV1 không có hồ sơ lưu của 214 tờ khai; trên Hệ thống VNACCS chỉ có 06/214 tờ khai được thực hiện nghiệp vụ BOA nhưng sau đó đã hủy BOA, không có xác nhận hàng hóa vận chuyển tới đích bằng nghiệp vụ BIA. Các Chi cục Hải quan nơi vận chuyển hàng hóa đi là Hải quan Cửa khẩu Mộc Bài, Hoa Lư và Lệ Thanh đều xác nhận không làm thủ tục hải quan đối với 213 cont hàng vận chuyển đi Campuchia. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi phạm tội buôn lậu và Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của các bị can như sau:

Lê Vũ N là công chức hải quan, từ năm 2010 đến tháng 12/2014, N được phân công làm việc tại bộ phận Thủ tục hàng quá cảnh, tạm nhập - tái xuất, thuộc Đội Thủ tục hàng hóa nhập khẩu, Hải quan CSGKV1. Trong quá trình làm việc, N đã phát hiện những sơ hở bất cập trong quy trình và thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng quá cảnh là: Tại Hải quan CSGKV1, Hệ thống VNACCS có chức năng truyền thông tin tờ khai từ Bước 1 đến Bước 4 nhưng

hệ thống không cho biết số lượng tờ khai đã được kiểm tra, xác nhận tại các bước; việc phê duyệt đăng ký tờ khai tại Bước 2 thực hiện trên hồ sơ giấy và chuyển đến Bước 3 không có ký nhận nên công chức Bước 3 không biết số lượng tờ khai đã được đăng ký tại Bước 2 là bao nhiêu. Ngoài ra, hàng ngày công chức Bước 3 tiếp nhận và phê duyệt số lượng hồ sơ lớn trong một thời gian ngắn nên việc BOA thường không được thực hiện ngay khi phê duyệt hồ sơ mà đề thực hiện sau; việc sử dụng Seal hải quan tại bộ phận Thủ tục hàng quá cảnh không được theo dõi, quản lý trên sổ sách theo đúng quy định. Lợi dụng những bất cập, sơ hở này nếu lấy được bộ hồ sơ lưu tại Bước 3 trước khi thực hiện BOA thì công chức Bước 3 không biết có sự tồn tại của tờ khai đã phê duyệt và không có dữ liệu nhập vào Hệ thống VNACCS để thực hiện BOA thì sẽ không theo dõi quá trình BIA và khi đó lô hàng quá cảnh vẫn được thông quan, đưa ra khỏi cảng để tiêu thụ nội địa tại Việt N mà cơ quan Hải quan tại cửa khẩu đến và cửa khẩu đi đều không thể phát hiện được do không có hồ sơ lưu và không có dữ liệu trên Hệ thống hải quan điện tử.

Cũng trong thời gian làm việc tại bộ phận Thủ tục hàng quá cảnh, tạm nhập - tái xuất, N biết Nguyễn Thanh C là nhân viên thường xuyên khai báo nhiều tờ khai vận chuyển hàng quá cảnh của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Công ty Vinalink) và trong thời gian này, N thuê Nguyễn Hoàng A là đối tượng lao động tự do để giúp N thực hiện các công việc như tiếp nhận, sắp xếp hồ sơ, chuyển hồ sơ vào kho lưu trữ... Đến tháng 12/2014, sau khi N không làm việc tại Hải quan CSGKV1 nữa thì có một số đối tượng đặt vấn đề thuê N làm thủ tục nhập khẩu để họ đưa hàng hóa đã qua sử dụng từ nước ngoài về Việt N tiêu thụ. Lê Vũ N liên hệ điện thoại và biết Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hoàng A vẫn đang làm công việc như trước đây tại Hải quan CSGKV1 nên N đã cùng C, A và một số đối tượng thực hiện phương thức vận chuyển hàng hóa quá cảnh để nhập khẩu bất hợp pháp hàng hóa từ nước ngoài vào tiêu thụ tại Việt N theo cách thức như sau:

- Lê Vũ N trực tiếp thỏa thuận với đối tượng chủ hàng về việc: Chủ hàng thực hiện thủ tục gửi hàng từ nước ngoài cho đối tác có địa chỉ tại Campuchia nhưng cont hàng được vận chuyển về Cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh và thông báo cho 01 doanh nghiệp nhận hàng theo chỉ định của N. Khi hàng về cảng Cát Lái, N chịu trách nhiệm đưa hàng ra khỏi cảng và vận chuyển đến địa chỉ giao hàng theo yêu cầu của chủ hàng; mỗi cont hàng N thu tiền công từ 130 - 200 triệu đồng.

- Lê Vũ N thuê Lưu Minh T làm các công việc: Tìm thuê hoặc thành lập doanh nghiệp để đứng tên đơn vị được thông báo nhận hàng và vận chuyển sang Campuchia; liên hệ với hãng tàu hoặc đại lý vận chuyển để nhận chứng từ vận chuyển (Lệnh giao hàng, Bill tàu); lập hợp đồng vận chuyển hàng quá cảnh; mở tờ khai hải quan điện tử vận chuyển hàng quá cảnh và thuê phương tiện vận chuyển hàng từ cảng đến kho của chủ hàng. Mỗi cont hàng N trả công cho T 05 triệu đồng.

- Lê Vũ N thuê Nguyễn Thanh C nhận các hồ sơ vận chuyển hàng quá cảnh từ Lưu Minh T để làm thủ tục hải quan Bước 2 cùng với các hồ sơ vận chuyển hàng quá cảnh của Công ty Vinalink. Sau khi công chức hải quan phê duyệt Bước 2, C chuyển hồ sơ đến Bước 3 và thông báo cho Nguyễn Hoàng A biết những bộ hồ sơ của Lê Vũ N thuê C làm thủ tục hải quan để A rút trộm làm cho những bộ hồ sơ này không còn lưu sau khi được công chức Bước 3 phê duyệt vận chuyển. Mục đích là không để cho công chức Bước 3 thực hiện BOA trên Hệ thống hải quan điện tử. Mỗi bộ hồ sơ, N trả công cho C 03 triệu đồng.

- Lê Vũ N thuê Nguyễn Hoàng A thực hiện việc liên hệ với Nguyễn Thanh C để biết những hồ sơ vận chuyển hàng quá cảnh của Lê Vũ N đã được chuyển đến Bước 3 và A có nhiệm vụ rút trộm các bộ hồ sơ lưu sau khi công chức Bước 3 phê duyệt vận chuyển để không có tài liệu thực hiện lệnh BOA trên hệ thống. Mỗi bộ hồ sơ, N trả công cho A 05 triệu đồng.

Thực hiện thỏa thuận với Lê Vũ N, Lưu Minh T bàn với Lê Trọng N2 việc thuê hoặc thành lập các doanh nghiệp để đứng tên pháp nhân nhận hàng và vận chuyển hàng sang Campuchia. N2 có nhiệm vụ: Cung cấp giấy giới thiệu của doanh nghiệp đứng tên vận chuyển để cử người đến hãng tàu hoặc đại lý vận chuyển nhận chứng từ vận chuyển đường biển; cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của pháp nhân đứng tên trong hợp đồng vận chuyển và lấy chữ ký Giám đốc, con dấu của doanh nghiệp đóng vào Hợp đồng vận chuyển hàng cho doanh nghiệp có địa chỉ tại Campuchia để hợp thức hồ sơ vận chuyển hàng quá cảnh. Mỗi lần thực hiện các công việc nêu trên, T trả công cho N2 3.500.000 đồng. Để bảo đảm việc hợp thức hồ sơ không bị phát hiện, mỗi công ty chỉ đứng tên pháp nhân vận chuyển một số lần nên T bảo N2 phải thuê hoặc thành lập nhiều doanh nghiệp.

Theo yêu cầu của T, Lê Trọng N2 đã thành lập tổng số 53 doanh nghiệp chỉ làm nhiệm vụ đứng tên pháp nhân mở tờ khai vận chuyển hàng hóa quá cảnh sang Campuchia. Trong đó, N2 trực tiếp thành lập 07 doanh nghiệp và đứng tên Giám đốc các công ty; N2 thuê anh ruột là Lê Trực T3 đứng tên Giám đốc 07 công ty; thuê 05 người khác đứng tên Giám đốc 39 công ty, gồm: Võ Thị A 07 Công ty, Nguyễn Thị H 07 Công ty, Nguyễn Thị Cẩm T3 04 Công ty, Nguyễn Thị Tuyết T4 08 Công ty, Phạm Thị Ngọc H2 13 Công ty. Lê Trọng N2 quản lý Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và con dấu của 53 công ty, đồng thời thuê khắc dấu chữ ký, dấu tên của người đứng tên Giám đốc công ty để N2 trực tiếp sử dụng. Khi cần hợp thức hồ sơ vận chuyển hàng hóa quá cảnh của công ty nào thì Lưu Minh T chuyển cho N2 tờ Giấy giới thiệu (chưa ghi thông tin), Hợp đồng vận chuyển và một tờ văn bản ủy quyền bằng tiếng Anh để N2 sử dụng các con dấu của công ty (đã ghi trong hợp đồng vận chuyển) đóng vào vị trí phù hợp trên các tài liệu và chuyển lại cho Lưu Minh T.

Thời gian đầu, Lê Vũ N trực tiếp thỏa thuận, thu tiền của các chủ hàng; khi có thông tin cont hàng về cảng thì N báo cho Lưu Minh T biết và tạm ứng tiền cho T để thanh toán các khoản chi phí. Lưu Minh T lập hợp đồng vận chuyển

hàng quá cảnh (trong đó bên vận chuyển là một trong số các Công ty do N2 thành lập) kèm theo Giấy giới thiệu (chưa ghi thông tin) và tờ văn bản ủy quyền bằng tiếng Anh chuyển cho Nghĩa đóng dấu để hợp thức. T sử dụng các tài liệu này đến hãng tàu hoặc đại lý vận chuyển nhận chứng từ vận chuyển đường biển, thuê người làm dịch vụ khai báo và truyền tờ khai hải quan điện tử. Sau đó, T chuyển hồ sơ cho Nguyễn Thanh C để làm thủ tục hải quan các bước tiếp theo. Sau khi tờ khai được phê duyệt vận chuyển, T nhận hồ sơ từ C để làm thủ tục thông quan tại bộ phận giám sát hải quan và thủ tục nhận cont hàng tại cảng; T thuê xe ô tô và chuyển hồ sơ, tài liệu cho chủ xe hoặc lái xe để vận chuyển cont hàng ra khỏi cảng giao cho chủ hàng tại địa chỉ do N thông báo. Lưu Minh T sử dụng tiền do N ứng trước để thanh toán các khoản chi phí, chi trả tiền công cho Lê Trọng N2 3.500.000 đồng/bộ hồ sơ hợp thức vận chuyển, Nguyễn Thanh C 3.000.000 đồng/tờ khai và Nguyễn Hoàng A 5.000.000 đồng/tờ khai.

Thời gian sau đó (từ khoảng tháng 8/2015), N giao cho T liên hệ thu tiền của các chủ hàng do N đã thỏa thuận; T có trách nhiệm tổng hợp, theo dõi các khoản đã thu chi của từng cont hàng rồi thông báo và chuyển lại số tiền chênh lệch cho N. Từ thời điểm này, T trực tiếp liên hệ, thu tiền của các chủ hàng; tiếp nhận thông tin các cont hàng đã về cảng. T thuê chị Trần Thị Hoài P để thực hiện công việc đến hãng tàu hoặc đại lý vận chuyển nhận chứng từ vận chuyển đường biển; nhận tài liệu từ T hoặc Lê Trọng N2 để giao cho Nguyễn Thanh C, sau đó nhận lại từ C tờ khai đã được phê duyệt; làm thủ tục thanh lý tờ khai, thủ tục nhận cont hàng và chuyển tài liệu cho chủ xe hoặc lái xe để đưa hàng ra khỏi cảng. T ứng tiền cho chị P để thanh toán các khoản chi phí và chuyển tiền cho Lê Trọng N2, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hoàng A theo yêu cầu của T. Sau khi chị Phương nghỉ việc, T thuê anh Lý Minh Mẫn tiếp tục thực hiện các công việc nêu trên. Đối với việc thuê xe vận chuyển cont từ cảng đến điểm trả hàng theo yêu cầu của chủ hàng, T giao cho Lê Trọng N2 thực hiện với số tiền từ 12.600.000 – 13.200.000 đồng/cont tùy theo địa điểm giao hàng; đồng thời T trả N2 7.000.000 đồng/hồ sơ hợp thức vận chuyển.

Trong quá trình thực hiện việc thu và chi tiền theo yêu cầu của Lê Vũ N, Lưu Minh T đã lập một sổ bảng kê và lưu tại hòm thư điện tử của T là Teonolo2006@gmail.com. Các bảng kê thể hiện việc T thu, chi tiền trong thời gian từ khoảng tháng 8/2015 đến tháng 12/2015, cụ thể:

- T thu tiền đối với 92 cont, tổng số tiền là 14.545.000.000 đồng; trong đó, thu 77 cont, số tiền 11.525.000.000 đồng của 09 chủ hàng ghi tên là Tùng, Heo, Sơn, Luận, Bon, Hưng, Hậu, Nhân, Bi và thu 15 cont, số tiền 3.020.000.000 đồng của các chủ hàng không ghi tên. Đối với chủ hàng ghi tên, số liệu thu của từng người như sau: Tùng 05 cont, số tiền 900.000.000 đồng; Heo 16 cont, số tiền 12.080.000.000 đồng; Sơn 19 cont, số tiền 2.755.000.000 đồng; Luan 01 cont, số tiền 190.000.000 đồng; Bon 21 cont, số tiền 3.360.000.000 đồng; Hau 05 cont, số tiền 720.000.000 đồng; Nhan 09 cont, số tiền 1.410.000.000 đồng; Bi 01 cont, số tiền 110.000.000 đồng.



- Sau khi thu được tiền của 92 cont nêu trên, T trực tiếp quản lý và sử dụng số tiền này để thanh toán chi phí 103 cont nhập lậu vào Việt N với tổng số tiền 5.282.200.000 đồng. Các khoản chi cho 01 cont hàng gồm: Lấy lệnh giao hàng, tiền cước cont tại hãng tàu từ 07 triệu đến 80 triệu đồng; Phiếu EIR (phiếu giao hàng của cảng) 1.000.000 đồng; đăng ký 100.000 đồng; thuê kho 7.000.000 đồng; thuê xe 5.500.000 đồng; bồi dưỡng bảo vệ, lái xe 1.000.000 đồng; chi Lê Trọng N2 (Đinh) 7.000.000 đồng (có 11 cont đưa 3.500.000 đồng/cont); chi Nguyễn Thanh C (Trọc) 3.000.000 đồng; chi Nguyễn Hoàng A 5.000.000 đồng và 01 khoản chi 5.000.000 đồng không ghi nội dung. Tổng số tiền T kê khai chi cho Lê Trọng N2 là 682.500.000 đồng, chi cho Nguyễn Thanh C là 309.000.000 đồng, chi cho Nguyễn Hoàng A là 515.000.000 đồng và khoản chi không ghi nội dung có tổng số tiền là 515.000.000 đồng.

Sau khi đối trừ số tiền thu chi nêu trên, T phải giao lại cho N số tiền 9.171.800.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện công việc được giao, T đã chuyển khoản hoặc đưa trước tiền mặt cho N và chi một số khoản tiền khác theo yêu cầu của N nên sau khi lập bảng kê, T chỉ còn phải giao cho N số tiền 3.435.700.000 đồng.

Trong thời gian từ 08/4/2015 đến 04/7/2015 và từ 15/9/2015 đến 06/3/2016 Lưu Minh T đã thuê và giao tiền cho chị Trần Thị Hoài Phương, anh Lý Minh Mẫn thực hiện công việc nhận, chuyển giao chứng từ liên quan đến hồ sơ khai báo hải quan và thanh toán chi phí tại hãng tàu, chỉ làm thủ tục hải quan, nhận hàng đối với 178/214 cont hàng của 51/53 công ty do Lê Trọng N2 thành lập, đứng tên khai báo vận chuyển hàng quá cảnh; chuyển cho Lê Trọng N2 số tiền 1.203.225.000 đồng, Nguyễn Thanh C số tiền 523.300.000 đồng và Nguyễn Hoàng A số tiền 771.000.000 đồng theo yêu cầu của T.

Ngoài ra, tại Tài khoản số 0071000724700 của chị Trần Thị Hoài P mở tại Vietcombank Chi nhánh Gò Vấp - Phòng Giao dịch Quang Trung, thể hiện: Từ ngày 03/4/2015 đến ngày 06/7/2015 phát sinh có 40 khoản với tổng số tiền 1.452.000.000 đồng và đều được chuyển đến từ tài khoản số 0071001191120 của Nguyễn Vy H1, mở tại Vietcombank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; nội dung chuyển tiền là “thanh toán làm hàng”. Chị P khai nhận: Trong thời gian làm thuê cho Lưu Minh T, T xin số tài khoản của chị P để khách hàng của T chuyển tiền. Sau khi tài khoản báo có, chị Phương rút tiền mặt để giao lại cho T hoặc chi thanh toán theo yêu cầu của T. Lưu Minh T khai nhận việc nhờ tài khoản của chị Phương để Nguyễn Vy H1 chuyển tiền trả công cho T đối với các cont hàng nhập khẩu của H1.

Xác minh Tài khoản số 0071001191120 của Nguyễn Vy H1 nêu trên, xác định: Từ ngày 02/4/2015 đến ngày 15/01/2016, tài khoản của H1 phát sinh có 35 khoản với tổng số tiền 5.082.633.000 đồng; người chuyển tiền là Nguyễn Thanh Tr, Trần Văn Kh, Cao Xuân V, Huỳnh Văn V1, Nguyễn Huỳnh Th, Nguyễn Huỳnh T5 và Nguyễn Viết Th1; trong đó 32 khoản ghi nội dung chuyển tiền là “thanh toán dịch vụ” của 34 ký hiệu chữ và số gồm: S25, 27, 28, 29; G17, 19,

20, 22, 26, 27, 28, 31, 33, 35; K1, 2, 3, 4, 5; H3, H5; B42, 45, 47, 50, 51, 51, 52, 54, 55, 56, 58 (03 lần), 60; U2 và có 03 khoản đều có số tiền 138 triệu đồng nhưng không ghi nội dung chuyển tiền. Từ ngày 03/4/2015 đến ngày 06/7/2015, tài khoản của Nguyễn Vy H1 đã chuyển 40 khoản, tổng số tiền 1.452.000.000 đồng vào Tài khoản số 0071000724700 của Trần Thị Hoài P nêu trên. Ngày 07/4/2015 và từ ngày 07/7/2015 đến ngày 18/01/2016, chủ tài khoản rút tiền mặt tổng số 3.503.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, bị can Lê Vũ N đã khai nhận hành vi của N và Lưu Minh T, Lê Trọng N2, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hoàng A trong việc nhập lậu toàn bộ 214 cont như đã nêu trên. Ngoài ra, N còn khai nhận việc liên hệ, thỏa thuận với các chủ hàng tên là Tùng, Heo, Sơn, Luận, Bon, Hưng (hoặc Hùng), Hậu, Cám, Nhân, Bi, Cuong, Quận 2, SS. Trong đó chủ hàng ghi tên Heo là Nguyễn Vy H1, do T đưa đến giới thiệu với N; khi gặp N, H1 tự giới thiệu tên là Thành, muốn thuê N làm thủ tục hải quan nhập khẩu hàng điện tử, điện lạnh, máy móc đã qua sử dụng từ Mỹ về Việt N, với giá từ 120.000.000 đến 130.000.000 đồng/cont. Sau khi thỏa thuận, thống nhất với H1, N giao cho T thu của H1 130 triệu đồng/cont. Tổng số N đã làm thủ tục nhập khẩu cho H1 khoảng 30 cont. Chủ hàng ghi tên Bon là Nguyễn Đình B làm tại Công ty PK, tỉnh Long An; Lưu Minh T nói với N việc B có người nhà ở Nhật Bản, có thể mua hàng gửi về Việt N nên N giao cho T thỏa thuận giá cả với B để vận chuyển hàng từ Nhật về Việt N dưới hình thức hàng quá cảnh qua Cảng Cát Lái. Tổng số N đã làm thủ tục nhập khẩu cho B khoảng 28 cont, thu tiền 160 triệu/cont. B là chủ cont hàng số TCNU7721283 thuộc Tờ khai số 500030850620 ngày 22/01/2016 bị giữ tại Cảng Cát Lái; khi hàng bị giữ, B điện thoại và gặp N đặt vấn đề tìm cách lấy hàng ra nhưng N từ chối do biết không thể thực hiện được yêu cầu của B.

N còn thừa nhận đã thu lợi bất chính số tiền 7.885.000.000 đồng. Trong số tiền này T, Nghĩa, King và Mẫn chuyển cho N 6.475.000.000 đồng vào tài khoản của vợ N là Phạm Thùy Nghĩa; T chuyển 900.000.000 đồng vào tài khoản của Nguyễn Trung Kiên để thanh toán tiền mua xe ô tô đứng tên Phạm Thùy Ng; T chuyển 10.000.000 đồng vào tài khoản của Bùi Thông M để trả tiền vay cá nhân cho N và T đưa cho N 500.000.000 đồng tiền mặt. Số tiền 7.885.000.000 đồng N đã sử dụng cá nhân như mua bất động sản, mua ô tô. Các bất động sản và ô tô vợ chồng N mua đã bán, sang tên cho người khác sở hữu.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Vy H1 khai nhận: Tháng 3/2015, H1 được một người tên là Toni (Việt kiều Mỹ, không rõ lai lịch) đặt vấn đề về việc Toni muốn nhập khẩu hàng hóa từ Mỹ về Việt N để kinh doanh nhưng không có pháp nhân và khả năng đề thông quan nên nhờ H1 tìm người có khả năng nhập hàng giúp Toni. Thông qua bạn bè, H1 liên hệ gặp Lưu Minh T thuê làm dịch vụ nhập hàng; T đồng ý và giới thiệu H1 với Lê Vũ N. H1 đưa Toni đến gặp N nhưng chỉ có Toni và N bàn bạc với nhau. Toni trả công cho H1 bằng cách mỗi lô hàng Toni chuyển vào tài khoản của H1 138.000.000 đồng, H1

chuyển cho N 130.000.000 đồng, còn H1 được hưởng 8.000.000 đồng. Từ ngày 02/4/2015 đến 15/01/2016, Toni chuyển vào tài khoản của H1 tổng số 5.082.633.000 đồng, tương ứng với 37 lô hàng. Sau khi nhận được tiền, H1 đã chuyển cho T 4.790.000.000 đồng để thanh toán cho 37 lô hàng (trong đó từ ngày 03/4/2015 đến ngày 06/7/2015, H1 chuyển khoản số tiền 1.452.000.000 đồng, còn lại H1 3.338.000.000 H1 rút tiền mặt giao trực tiếp cho T). Số tiền chênh lệch H1 được hưởng là 292.633.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó Toni lại yêu cầu H1 chuyển khoản để thanh toán tiền thuê xe ô tô vận chuyển và thuê người bốc xếp hàng hóa 174.800.000 đồng nên H1 chỉ còn được hưởng lợi số tiền 117.833.000 đồng. Gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp 100.000.000 đồng H1 đã thu lợi bất chính.

Bị cáo Nguyễn Đình B khai nhận: Tháng 6/2015, Lê Vũ N giới thiệu Lưu Minh T để hướng dẫn B cách khai báo thủ tục hải quan cho công ty của B. Khoảng tháng 11/2015, T biết B có quan hệ mua hàng với một người tên Nghĩa tại Nhật Bản nên T bảo B mua đồ điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng đưa về Việt N bán kiếm lời; việc làm thủ tục vận chuyển hàng từ Nhật về Việt N do T đảm nhiệm với giá 160.000.000 đồng/cont hàng và T giới thiệu người tên là Tom mua hàng cho B. Sau đó, B trao đổi qua điện thoại với Nghĩa thống nhất việc Nghĩa đưa hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng đã qua sử dụng về Việt N bán cho B. Khi Nghĩa thông báo giá bán hàng, B chào giá bán cả lô hàng cho Tom thì thấy cont hàng có lãi khoảng 80.000.000 đồng sau khi trừ 160.000.000 đồng trả cho T nên B bảo Nghĩa chuyển hàng về. T là người liên hệ với Nghĩa làm thủ tục thuê tàu vận chuyển hàng từ Nhật về Việt N và làm thủ tục vận chuyển cont hàng ra khỏi cảng. B nhận hàng và giao hàng giao hàng cho Tom để bốc lên xe tải nhỏ tại bãi đất trống ở gần nhà B thuộc Ấp 4 xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Tom trả tiền mặt cho B, sau đó B trả tiền trực tiếp cho Nghĩa khi Nghĩa về Việt N. Theo cách thức nêu trên, từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2016 B đã mua của Nghĩa khoảng 12 cont hàng, mỗi cont giá khoảng 800.000.000 – 900.000.000 đồng, trong đó toàn bộ 11 cont hàng đã bán cho Tom được lãi khoảng hơn 880.000.000 đồng; còn 01 cont hàng T thông báo cho B biết đã bị Hải quan tạm giữ tại Cảng Cát Lái vào ngày 22/01/2016. Gia đình bị can đã tự nguyện giao nộp số tiền 880.000.000 đồng do B thu lợi bất chính.

Về giá trị số hàng hóa của 214 cont đã nhập lậu, tài liệu điều tra xác định: Trong tổng số 214 tờ khai hải quan (214 cont), có 182 tờ khai ghi trị giá hàng hóa của 182 cont hàng là 4.993.610 USD tương đương số tiền 111.677.477.761 đồng (quy đổi tại thời điểm mở tờ khai hải quan, theo tỷ giá của Vietcombank), còn lại 32 tờ khai hải quan không ghi trị giá hàng hóa của 32 cont hàng. Do đó, Cơ quan điều tra xác định Lê Vũ N và đồng phạm thực hiện hành vi nhập lậu 214 cont nhưng chỉ kết luận tổng trị giá hàng hóa nhập lậu theo trị giá khai báo hải quan của 182 cont hàng là 111.677.477.761 đồng. Đồng thời, Cơ quan điều tra kết luận các bị cáo Lê Vũ N, Lưu Minh T, Lê Trọng N2, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Hoàng A cùng thực hiện hành vi nhập lậu 214 cont hàng hóa trị giá

111.677.477.761 đồng; bị cáo Nguyễn Vy H1 nhập lậu 38 cont hàng hóa trị giá 697.440 USD, tương đương số tiền 15.524.794.800 đồng; bị cáo Nguyễn Đình B nhập lậu 12 cont hàng nhưng 11 cont đã tiêu thụ hết, không xác định được cont hàng nào là của B trong số 214 tờ khai, kết quả điều tra xác định được cont số TCNU7721283 bị bắt giữ là của Nguyễn Đình B có giá trị là 609.533.600 đồng (theo trị giá ghi trên tờ khai hải quan).

Bản cáo trạng số: 71/CTr-VKS-P3, ngày 06/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố:

- Các bị cáo Lê Vũ N và Lưu Minh T về tội “Buôn lậu” theo điểm a, b khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Các bị cáo Lê Trọng N2, Nguyễn Hoàng A, Nguyễn Thanh C, Nguyễn Vy H1, Nguyễn Đình B về tội “Buôn lậu” theo điểm a khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ngoài ra, cáo trạng còn truy tố các bị cáo Trần Thanh T1, Nguyễn Văn L (là công chức Hải quan Cảng Sài Gòn Khu vực 1) về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009..

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 269/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:*

1. Căn cứ điểm a, b khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ N 10 (mười) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày: 12/9/2017.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vy H1 04 (bốn) năm tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2018 đến ngày 02/6/2020.

3. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 188; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn lậu”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 31/01/2018, đến ngày 16/7/2018

- Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Vũ N phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.171.800.000 (năm tỷ một trăm bảy mươi một triệu tám trăm ngàn) đồng.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT471521 (tại hồ sơ vụ án) để đảm bảo trách nhiệm về dân sự của bị cáo N trong vụ án. Khi nào bị cáo N thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án thì bà Ng có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nhận lại Giấy chủ quyền nêu trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt, biện pháp tư pháp đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 28/7/2020, bị cáo Lê Vũ N kháng cáo xin xem xét lại số tiền thu lợi bất chính; bị cáo Nguyễn Đình B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 31/7/2020, bị cáo Nguyễn Vy H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/8/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng (vợ bị cáo N) và ông Lê Tấn Đ đều kháng cáo phần xử lý vật chứng, yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT471521 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/6/2017 cho bà Phạm Thùy Ng và ông Lê Vũ N để bà Ng, ông Đ thực hiện hợp đồng mua bán căn hộ theo giấy chứng nhận nêu trên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, bị cáo Nguyễn Đình B và ngày 15/11/2021 bị cáo Nguyễn Vy H1 đã nộp đơn xin rút toàn bộ kháng cáo.

Ngày 19/11/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 47/2021/TB-TA về việc rút kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Vy H1.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo Lê Vũ N tự nguyện rút đơn kháng cáo, và không thừa nhận việc ông Đ giao tiền mua căn hộ số 18.3 Cao ốc Bến Thành Land, số 172-174 K, Phường NB, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh nên không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Vũ N là Luật sư Nguyễn Ngọc Duy phát biểu ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo N và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Tấn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng (có ông Nguyễn Nhật Tiến N1 đại diện theo ủy quyền) xin rút kháng cáo và khai nhận ông Đ chưa giao tiền nên không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ (có ông Bùi Quốc H đại diện theo ủy quyền) và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Phan Minh Sâm thống nhất vẫn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, trả lại cho ông Đ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT471521 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/6/2017 do tài sản theo giấy chứng nhận này đã chuyển nhượng và sang tên cho ông Đ, việc chuyển nhượng là hợp pháp. Trường hợp không trả lại Giấy chứng nhận nêu trên cho ông Đ, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm về phần này do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa bà Huỳnh Thị Thúy H2 là vợ ông Đ vào tham gia tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đối với bị cáo Nguyễn Vy H1 và Nguyễn Đình B đã có đơn rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng đã tự nguyện rút kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo này và bà Ng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận; do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trước khi xét xử phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình B và Nguyễn Vy H1 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng đã tự nguyện rút kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của các bị cáo N, B, H1 và bà Ng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Vũ N, Nguyễn Đình B, Nguyễn Vy H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Vũ N thừa nhận về hành vi phạm tội đúng như nội dung bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Xét lời khai nhận

tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, với các tài liệu, vật chứng thu giữ và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, lời khai người làm chứng, biên bản đối chất, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

[2.1] Bị cáo Lê Vũ N từng là công chức hải quan, do biết những sơ hở, bất cập trong quy trình và thực hiện quy trình thủ tục hải quan đối với hàng quá cảnh nên N bàn bạc với Lưu Minh T, Nguyễn Thanh C và Nguyễn Hoàng A thực hiện các hành vi: Thành lập tổng số 53 công ty và sử dụng pháp nhân các công ty đứng tên khai báo hải quan vận chuyển quá cảnh sang Campuchia, lấy trộm hồ sơ lưu sau khi công chức hải quan phê duyệt tờ khai vận chuyển nhằm không để các tờ khai được BOA trên hệ thống, tránh sự theo dõi của Hải quan nhằm đưa hàng nhập lậu tiêu thụ nội địa mà không bị phát hiện. Bị cáo N thỏa thuận và nhận tiền của 13 chủ hàng với giá từ 130.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng cho 01 cont hàng. Từ ngày 06/5/2015 đến ngày 01/3/2016, N cùng đồng phạm đã sử dụng 53 công ty mở 214 tờ khai hải quan theo loại hình vận chuyển hàng quá cảnh từ Cảng Cát Lái, Thành phố Hồ Chí Minh đi Campuchia. Mỗi tờ khai gồm 01 cont, hàng hóa khai báo là nguyên phụ liệu may mặc, máy đánh ống tự động, dây chuyền máy thêu vi tính, dây chuyền đùn nhựa...nhưng thực tế là hàng cấm nhập khẩu, gồm: Hàng điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, máy móc đã qua sử dụng. Với phương thức, thủ đoạn như trên, toàn bộ 214 tờ khai đã được thông quan. Bị cáo N đã thu lợi bất chính số tiền 9.171.800.000 đồng. Quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm, gia đình bị cáo đã giao nộp 4.000.000.000 đồng.

[2.2] Do đó, Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Vũ N phạm tội “Buôn lậu” theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 188 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Ngoài ra, bản án còn tuyên xử buộc bị cáo tiếp tục phải nộp lại số tiền 5.171.800.000 đồng và xử lý vật chứng tiếp tục tạm giữ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT471521 (tại hồ sơ vụ án) để đảm bảo trách nhiệm về dân sự của bị cáo N trong vụ án, khi nào bị cáo N thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án thì bà Ng có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nhận lại Giấy chủ quyền nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng, giao trả Giấy chứng nhận nêu tại mục [2.2] cho ông Đ.

[3.1] Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 15/8/2017, bà Phạm Thùy Ng nhân danh cá nhân đồng thời đại diện cho bị cáo Lê Vũ N đã bán căn nhà theo Giấy chứng nhận nêu trên cho ông Lê Tấn Đ nhưng theo khai nhận của ông Đ và bà Ng, ông Đ chưa thanh toán bất cứ khoản tiền nào trong số tiền chuyển nhượng (BL 9464,

9468, 9470) và tài sản này vẫn do bà Ng sử dụng, ông Đ chưa nhận bàn giao nhà ở (BL 9434, 9435, 9442, 9467). Mặt khác, cơ quan điều tra cũng thu giữ Giấy chủ quyền này từ bà Nghĩ nên tài sản nêu trên vẫn thuộc sở hữu chung của bà Nghĩ và bị cáo N. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Đ khai nhận bắt nhất về giá mua bán là 1,6 tỷ, lúc lại khai 8,6 tỷ, đồng thời khai nhận đã giao tiền cho bà Ng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và cũng không được bị cáo N và bà Ng thừa nhận. Hơn nữa, khai nhận này cũng mâu thuẫn với lời khai của ông Đ tại Cơ quan điều tra. Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử lý vật chứng như nêu tại mục [2.2] là phù hợp nên kháng cáo này của ông Lê Tấn Đ là không có cơ sở.

[3.2] Đối với kháng cáo về tố tụng cho rằng cấp sơ thẩm không triệu tập bà Huỳnh Thị Thúy H2 (vợ ông Đ) tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên hủy một phần bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng là giấy chủ quyền nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, ông Đ khai nhận bà H2 được triệu tập để làm việc nhưng do bà Hằng đã đi khỏi địa phương không ở nhà nên không có mặt theo giấy triệu tập (BL 9467). Hơn nữa, như phân tích tại mục [3.1], tài sản là căn hộ số 18.3 Cao ốc Bến Thành Land, số 172-174 K, Phường NB, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn thuộc sở hữu chung của bị cáo N và bà Ng. Do đó, kháng cáo phần này của ông Đ không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ cũng như đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về xử lý vật chứng và giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí phúc thẩm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ và bà Phạm Thùy Ng phải chịu theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 269/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.



Tuyên xử:

[1] Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Vũ N, Nguyễn Vy H1, Nguyễn Đình B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng.

Phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 269/2020/HSST ngày 24/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến các bị cáo Lê Vũ N, Nguyễn Vy H1, Nguyễn Đình B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thùy Ng đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số CT471521 (tại hồ sơ vụ án) để đảm bảo trách nhiệm về dân sự của bị cáo N trong vụ án. Khi nào bị cáo N thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án thì bà Ng có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để nhận lại Giấy chủ quyền nêu trên.

[3] Số tiền bị cáo Nguyễn Vy H1 đã nộp là 17.833.000 đồng theo biên lai thu số 0094041 ngày 07/5/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được đối trừ trong giai đoạn thi hành án.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí phúc thẩm: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Tấn Đ và bà Phạm Thùy Ng mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THA DS Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- UBND phường 9, Quận 10; (2)
- UBND phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú; (1)
- Bị cáo; (3)
- Đương sự; (2)
- Lưu (4). 20b (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Phan Nhựt Bình**